TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 11.03.2025.
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Văn Truyện.**

Ông **Tán Nghị.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Linh -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50B/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Bích Th**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn Quan Nam 5, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Trần X**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Quan Nam 5, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bích Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần X xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Quan Nam 5, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do kinh tế không ổn định, nợ nần giữa hai người có nhiều điểm khác biệt trong cách sống, quan điểm sống và nhiều mâu thuẫn khác không thể giải quyết được. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần X.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Trần X có 01 con chung là Trần Khả H, sinh ngày 19/12/2017. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, tôi có nguyện vọng được tiếp trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trần X cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần X nhưng ông X không đến làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.***

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích Th. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà Võ Thị Bích Th được ly hôn ông Trần X. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là Trần Khả H, sinh ngày: 19/12/2017 cho bà Võ Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí HNGĐST: Bà bà Võ Thị Bích Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Bích Th khởi kiện bị đơn ông Trần X về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Quan Nam 5, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông X kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà Th xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình không ổn định, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay bà Th xác định không còn tình cảm với ông X nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. HĐXX xét thấy: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng để ông X thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên hòa giải nhưng ông X không đến làm việc. Điều này thể hiện ông X không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Tiến

hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: "*Trong quá trình sống chung, ông X và bà Th có xảy ra cải vả trong gia đình nhưng không báo chính quyền địa phương"*. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định mẫu thuẫn giữa vợ chồng ông X, bà Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Võ Thị Bích Th đối với ông Trần X.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông X và bà Th có 01 con chung là Trần Khả Hân, sinh ngày 19/12/2017. Bà Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Khi quyết định việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đầy đủ các điều kiện vì sự phát triển toàn diện của con chung. Theo đó, cháu Trần Khả Hhiện nay đang trực tiếp sinh sống với bà Th. Đồng thời, cháu H là nữ và hiện nay chưa đủ 7 tuổi nên cần sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn từ phía người mẹ. Để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và điều kiện học tập của con chung, HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao con chung là Trần Khả Hân cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. ông Trần X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Bích Th không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà Võ Thị Bích Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích Th đối với ông Trần X về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Bích Th được ly hôn với ông Trần X.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Khả H, sinh ngày 19/12/2017 cho bà Võ Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần X không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Bích Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Võ Thị Bích Th phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002165 ngày 05/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà Võ Thị Bích đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt